

Số: /QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, nuôi con nuôi, hòa giải cơ sở thuộc thẩm quyền quản lý của ngành Tư pháp cấp tỉnh, cấp xã áp dụng trên địa bàn tỉnh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại bộ phận một cửa và cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ về cắt giảm, đơn giản hóa TTHC dựa trên dữ liệu;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15/9/2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại văn bản số 3966/STP-VP ngày 31/12/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục **51** thủ tục hành chính (TTHC) được sửa đổi, bổ sung (trong đó: 08 TTHC cấp tỉnh; 43 TTHC cấp xã) trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, nuôi con nuôi và hòa giải ở cơ sở thuộc thẩm quyền quản lý của ngành Tư pháp cấp tỉnh và cấp xã áp dụng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Giao Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Công báo - Tin học) và các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết

định này, trong thời hạn 03 ngày làm việc, công khai, địa phương hóa các TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC (csdl.dichvucong.gov.vn); trong vòng 20 ngày làm việc, xây dựng dự thảo Quy trình nội bộ TTHC trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành;

- Bãi bỏ Danh mục các TTHC lĩnh vực hộ tịch, các TTHC có số thứ tự 1, 4, 5 phần III và số thứ tự 5 phần V ban hành kèm theo Quyết định số 1599/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục và Quy trình nội bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý của ngành Tư pháp áp dụng tại UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh;

- Bãi bỏ Danh mục các TTHC lĩnh vực hộ tịch, TTHC có số thứ tự 5 phần IV ban hành kèm theo Quyết định số 1644/QĐ-UBND ngày 28/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý của ngành Tư pháp áp dụng tại cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh;

- Bãi bỏ Quyết định số 1908/QĐ-UBND ngày 25/7/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục và Quy trình nội bộ thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quốc tịch và công chứng áp dụng tại Sở Tư pháp tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Giám đốc: Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tư pháp;
- Văn phòng Chính phủ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Trung tâm PV HCC tỉnh;
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, HCC₂.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hồ Huy Thành

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
TRONG LĨNH VỰC HỘ TỊCH, NUÔI CON NUÔI THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ
CỦA NGÀNH TƯ PHÁP CẤP TỈNH VÀ CẤP XÃ ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ TĨNH**
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã hồ sơ TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
I	LĨNH VỰC HỘ TỊCH (02 TTHC)					
1.	Cấp bản sao trích lục hộ tịch, Bản sao Giấy khai sinh	2.000635	Trong ngày làm việc. Trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Tĩnh, số 02A, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh; - Qua Dịch vụ bưu chính công ích; - Cổng Dịch vụ công Quốc gia: http://dichvucong.gov.vn	- Phí: 8.000 đồng/ /bản sao/sự kiện hộ tịch đã đăng ký. - Lệ phí: Không.	- Luật Hộ tịch năm 2014. - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch. - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến. - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực.

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã hồ sơ TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
						- Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp. - <i>Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu;</i> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch. - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã hồ sơ TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
						phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến. - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến. - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã hồ sơ TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
						hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch. - Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch. - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã hồ sơ TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
						số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - <i>Quyết định số 3673/QĐ-BTP ngày 25/12/2025 của Bộ trưởng Tư pháp về việc công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch được thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch trong nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</i>
2	Xác nhận thông tin hộ tịch	2.002516	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp phải kiểm tra, xác minh thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 10 ngày làm việc.	Như trên	- Phí: 8.000 đồng/Văn bản xác nhận về một việc hộ tịch của cá nhân đã đăng ký. - Lệ phí: Không.	Như trên
II	LĨNH VỰC QUỐC TỊCH (05 TTHC)					

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã hồ sơ TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Thủ tục cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam	2.001895	Thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền là: 53 ngày đối với hồ sơ xác minh thông thường hoặc 68 ngày đối với hồ sơ xác minh phức tạp.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Tĩnh, số 02A, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh; - Qua Dịch vụ bưu chính công ích; - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia: http://dichvucong.gov.vn	- Phí: 100.000 đồng/ trường hợp. - Miễn lệ phí đối với: người di cư từ Lào được phép cư trú xin xác nhận là người gốc Việt Nam theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; kiều bào Việt Nam tại các nước láng giềng có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi cư trú.	- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2025. - Nghị định số 191/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam. - <i>Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu.</i> - Thông tư số 12/2025/TT-BTP ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch. - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã hồ sơ TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
						dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch. - <i>Quyết định số 3713/QĐ-BTP ngày 26/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực quốc tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</i>
2	Thủ tục nhập quốc tịch Việt Nam ở trong nước	2.002039	105 ngày (thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền)	Người xin nhập quốc tịch Việt Nam phải trực tiếp nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Tĩnh, số 02A, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh. Không uỷ quyền cho người	- Phí: Không; - Lệ phí: 3.000.000 đồng/trường hợp; - Miễn lệ phí đối với những trường hợp sau: + Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam (phải là người được	Như trên

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã hồ sơ TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				khác nộp hồ sơ.	tặng thưởng Huân chương, Huy chương, danh hiệu cao quý khác của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam xác nhận về công lao đặc biệt đó). + Người không quốc tịch có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.	
3	Thủ tục trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong	2.002038	85 ngày (thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Tĩnh, số	- Phí: Không - Lệ phí: 2.500.000 đồng/trường hợp.	Như trên

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã hồ sơ TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	nước		thẩm quyền)	02A, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh; - Qua Dịch vụ bưu chính công ích; - Cổng Dịch vụ công Quốc gia: http://dichvucong.gov.vn - Không ủy quyền cho người khác nộp hồ sơ.	- Miễn lệ phí đối với Người mất quốc tịch có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của UBND cấp xã nơi cư trú.	
4	Thủ tục thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước	2.002036	75 ngày (thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền)	<i>Như trên</i>	- Phí: Không - Lệ phí: 2.500.000 đồng/trường hợp	Như trên
5	Thủ tục cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước	1.005136	Thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền: - 18 ngày làm việc đối với trường hợp có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt	<i>Như trên</i>	- Phí: 100.000 đồng/trường hợp; - Lệ phí: Không; - Miễn phí đối với người di cư từ Lào được phép cư trú xin xác nhận có quốc tịch Việt Nam theo	Như trên

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã hồ sơ TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Nam; - 53 ngày làm việc đối với trường hợp không có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam (hồ sơ xác minh thông thường) hoặc 68 ngày làm việc (hồ sơ xác minh phức tạp).		quy định của điều ước quốc tế mà nước CHXHCN Việt Nam là thành viên; kiều bào Việt Nam tại các nước láng giềng có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam, có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của UBND cấp xã.	
III	LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI (01 TTHC)					
1	Thủ tục Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam ở trong nước đủ điều kiện nhận trẻ em nước ngoài làm con nuôi	1.003198	Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần xác minh thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 30 ngày.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Tĩnh, số 02A, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh; - Qua Dịch vụ bưu chính công ích; - Cổng Dịch vụ công Quốc gia: http://dichvucong.gov.vn.	Không	- Luật Nuôi con nuôi 2010. - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nuôi con nuôi. - Nghị định số 06/2025/NĐ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về nuôi con nuôi. - Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã hồ sơ TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				gov.vn		thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp. - Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp. - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công. - <i>Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu</i> - Thông tư số 10/2025/TT-BTP ngày 20/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã hồ sơ TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
						28/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ Sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 07/2023/TT-BTP. - Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28/12/ 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi. - Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14/11/ 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác nuôi con nuôi và cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam. - Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29/9/ 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã hồ sơ TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
						sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi. - Quyết định số 3671/QĐ-BTP ngày 25/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực nuôi con nuôi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
I	LĨNH VỰC HỘ TỊCH (39 TTHC)					
1	Đăng ký khai sinh	1.001193	Ngay trong ngày tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp phải xác minh tình trạng hôn nhân của cha mẹ trẻ thì thời hạn xác minh không quá 03 ngày làm việc.	- Trung tâm phục vụ Hành chính công cấp xã; - Qua Dịch vụ bưu chính công ích; - Cổng Dịch vụ công Quốc gia: http://dichvucong.gov.vn	- Lệ phí áp dụng đối với trường hợp đăng ký khai sinh quá hạn: 10.000 đồng/trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp/quia bưu chính; 0 đồng/trường hợp nộp hồ sơ trên môi trường mạng; - Miễn lệ phí đối với trường hợp khai sinh đúng hạn; người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; - Phí cấp bản sao giấy khai sinh trong trường hợp người dân yêu cầu: 8.000 đồng/bản.	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
						thực; - Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp; - <i>Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu;</i> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
						28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
						28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
						và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Nghị quyết số 101/2023/NQ-HĐND ngày 13/07/2023 của HĐND tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh. - Nghị quyết số 136/2024/NQ-HĐND ngày 13/12/2024 của HĐND tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh. - Quyết định số 3673/QĐ-BTP ngày 25/12/2025 của Bộ

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
						<i>trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch được thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch trong nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</i>
2	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	2.000528	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp phải xác minh tình trạng hôn nhân của cha mẹ trẻ thì thời hạn xác minh không quá 03 ngày làm việc.	Như trên	- Lệ phí: 60.000 đồng/trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp/quia bưu chính; 30.000 đồng/trường hợp nộp hồ sơ trên môi trường mạng; - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; - Phí cấp bản sao trích lục hộ tịch trong trường hợp người dân yêu cầu: 8.000 đồng/bản.	Như trên
3	Đăng ký lại khai sinh	1.004884	Trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày	Như trên	- Lệ phí: 10.000 đồng/trường hợp nộp	Như trên

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			nhận đủ hồ sơ hợp lệ; Trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.		nộp hồ sơ trực tiếp/quia bưu chính; 0 đồng/trường hợp nếu nộp hồ sơ trên môi trường mạng; - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; - Phí cấp bản sao giấy khai sinh trong trường hợp người dân yêu cầu: 8.000 đồng/bản.	
4	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	2.000522	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.	Như trên	- Lệ phí: 60.000 đồng/trường hợp nếu nộp hồ sơ trực tiếp/quia bưu chính; 30.000 đồng/trường hợp nếu nộp hồ sơ trên môi trường mạng; - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc	Như trên

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					hộ nghèo; người khuyết tật; - Phí cấp bản sao trích lục hộ tịch trong trường hợp người dân yêu cầu: 8.000 đồng/bản.	
5	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	1.001022	Trong 03 ngày làm việc, sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 08 ngày làm việc.	Như trên	- Lệ phí: 20.000 đồng/trường hợp nếu nộp hồ sơ trực tiếp; 0 đồng/trường hợp nếu nộp hồ sơ trên môi trường mạng; - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; - Phí cấp bản sao trích lục hộ tịch trong trường hợp người dân yêu cầu: 8.000 đồng/bản.	Như trên
6	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	2.000779	10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	- Lệ phí: 1.000.000 đồng/trường hợp nếu nộp hồ sơ trực tiếp; 500.000 đồng/trường	Như trên

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					hợp nếu nộp hồ sơ trên môi trường mạng; - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; - Phí cấp bản sao trích lục hộ tịch trong trường hợp người dân yêu cầu: 8.000 đồng/bản.	
7	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	1.000689	Trong 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 08 ngày làm việc.	Như trên	Lệ phí: - Đăng ký khai sinh quá hạn: 10.000 đồng/trường hợp nếu nộp trực tiếp/quá bưu chính; 0 đồng/trường hợp nếu nộp hồ sơ trên môi trường mạng; - Đăng ký nhận cha, mẹ, con: 20.000 đồng/trường hợp nếu nộp trực tiếp/quá bưu chính; 0	Như trên

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					đồng/trường hợp nộp hồ sơ trên môi trường mạng; - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký khai sinh đúng hạn; đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con đối với người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; - Phí cấp bản sao trích lục hộ tịch trong trường hợp người dân yêu cầu: 8.000 đồng/bản.	
8	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	1.001695	10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ Hành chính công cấp xã	- Lệ phí: Đăng ký khai sinh: 60.000 đồng/trường hợp. - Lệ phí: Đăng ký nhận cha, mẹ, con: 1.000.000 đồng/trường hợp. - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình	Như trên

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Phí cấp bản sao trích lục hộ tịch trong trường hợp người dân yêu cầu: 8.000 đồng/bản.	
9	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	1.004772	- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.	- Trung tâm phục vụ Hành chính công cấp xã; - Công Dịch vụ công Quốc gia.	- Lệ phí: 10.000 đồng/trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp/quia bưu chính; 0 đồng/trường hợp nộp hồ sơ trên môi trường mạng; - Miễn lệ phí đối với người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; - Phí cấp bản sao giấy khai sinh trong trường hợp người dân yêu cầu: 8.000 đồng/bản.	Như trên

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
10	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	1.000893	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.	Như trên	- Lệ phí: 60.000 đồng/trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp/quia bưu chính; 30.000 đồng/trường hợp nộp hồ sơ trên môi trường mạng; - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; - Phí cấp bản sao trích lục hộ tịch trong trường hợp người dân yêu cầu: 8.000 đồng/bản.	Như trên
11	Đăng ký kết hôn	1.000894	Ngay trong ngày tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cần xác	Như trên	- Miễn lệ phí; - Phí cấp bản sao trích lục hộ tịch trong trường hợp người dân yêu cầu: 8.000 đồng/bản.	- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. - Luật Hộ tịch năm 2014. - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch. - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			minh điều kiện kết hôn của hai bên nam, nữ thì thời hạn giải quyết không quá 05 ngày làm việc.			quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến. - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực. - Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp. - <i>Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu;</i> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
						pháp thi hành Luật Hộ tịch. - Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến. - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
						tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến. - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch. - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
						liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Nghị quyết số 101/2023/NQ-HĐND ngày 13/07/2023 của HĐND tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh. - <u>Quyết định số 3673/QĐ-BTP</u>

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
						<i>ngày 25/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch được thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch trong nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</i>
12	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	2.000806	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần xác minh thì thời hạn kéo dài nhưng không quá 10 ngày làm việc	Như trên	- Lệ phí: 1.000.000 đồng/trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp; 500.000 đồng/trường hợp nộp hồ sơ trên môi trường mạng; - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; - Phí cấp bản sao trích lục hộ tịch trong trường hợp người dân yêu cầu: 8.000 đồng/bản.	Như trên
13	Đăng ký lại kết hôn	1.004746	Trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày	Như trên	- Lệ phí: 10.000 đồng/trường hợp nộp	Như trên

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			nhận đủ hồ sơ hợp lệ; Trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.		nộp hồ sơ trực tiếp; 0 đồng/trường hợp nếu nộp hồ sơ trên môi trường mạng; - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; - Phí cấp bản sao trích lục hộ tịch trong trường hợp người dân yêu cầu: 8.000 đồng/bản.	
14	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	2.000513	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.	Như trên	- Lệ phí: 1.000.000 đồng/trường hợp nếu nộp hồ sơ trực tiếp; 500.000 đồng/trường hợp nếu nộp hồ sơ trên môi trường mạng; - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật;	Như trên

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					- Phí cấp bản sao trích lục hộ tịch trong trường hợp người dân yêu cầu: 8.000 đồng/bản.	
15	Đăng ký khai tử	1.000656	Ngay trong ngày tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	- Trung tâm phục vụ Hành chính công cấp xã; - Qua Dịch vụ bưu chính công ích; - Cổng Dịch vụ công Quốc gia: http://dichvucong.gov.vn	- Lệ phí áp dụng đối với đăng ký khai tử quá hạn: 10.000 đồng/trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp/qua bưu chính; 0 đồng/trường hợp nộp hồ sơ trên môi trường mạng; - Miễn lệ phí đối với trường hợp khai tử đúng hạn; người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; - Phí cấp bản sao trích lục hộ tịch trong trường hợp người dân yêu cầu: 8.000 đồng/bản.	- Luật Hộ tịch năm 2014. - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch. - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến. - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công. - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
						thực. - Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp. - <i>Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu;</i> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch. - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
						28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến. - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến. - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
						28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch. - Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
						và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Quyết định số 3673/QĐ-BTP ngày 25/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch được thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch trong nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.
16	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	1.001766	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15	Như trên	- Lệ phí: 60.000 đồng/trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp/quia bưu chính;	

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc.		30.000 đồng/trường hợp nếu nộp hồ sơ trên môi trường mạng; - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; - Phí cấp bản sao trích lục hồ tịch trong trường hợp người dân yêu cầu: 8.000 đồng/bản.	
17	Đăng ký lại khai tử	1.005461	Trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 10 ngày làm việc.	Như trên	- Lệ phí: 10.000 đồng/trường hợp nếu nộp hồ sơ trực tiếp/quia bưu chính; 0 đồng/trường hợp nếu nộp hồ sơ trên môi trường mạng; - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật;	Như trên

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					- Phí cấp bản sao trích lục hộ tịch trong trường hợp người dân yêu cầu: 8.000 đồng/bản.	
18	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	2.000497	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 10 ngày làm việc.	Như trên	- Lệ phí: 60.000 đồng/trường hợp nếu nộp hồ sơ trực tiếp/quia bưu chính; 30.000 đồng/trường hợp nếu nộp hồ sơ trên môi trường mạng; - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; - Phí cấp bản sao trích lục hộ tịch trong trường hợp người dân yêu cầu: 8.000 đồng/bản.	Như trên
19	Đăng ký giám hộ	1.004837	Trong 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Như trên	- Miễn lệ phí; - Phí cấp bản sao trích lục hộ tịch trong trường hợp	- Bộ luật Dân sự năm 2015. - Luật Hộ tịch năm 2014. - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					người dân yêu cầu: 8.000 đồng/bản.	quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch. - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến. - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực. - Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ tư pháp; - <i>Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu;</i> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
						123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch. - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến. - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến.

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
						- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch. - Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
						ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - <i>Quyết định số 3673/QĐ-BTP ngày 25/12/2025 của Bộ</i>

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
						<i>trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</i>
20	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	1.001669	- Đăng ký giám hộ cử: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Đăng ký giám hộ đương nhiên: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Như trên	- Lệ phí: 60.000 đồng/trường hợp nếu nộp hồ sơ trực tiếp/quia bưu chính; 30.000 đồng/trường hợp nếu nộp hồ sơ trên môi trường mạng; - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; - Phí cấp bản sao trích lục hộ tịch trong trường hợp người dân yêu cầu: 8.000 đồng/bản.	Như trên
21	Đăng ký chấm dứt giám hộ	1.004845	Trong 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Như trên	- Miễn lệ phí; - Phí cấp bản sao trích lục hộ tịch	Như trên

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					trong trường hợp người dân yêu cầu: 8.000 đồng/bản.	
22	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	2.000756	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	- Lệ phí: 60.000 đồng/trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp/quia bưu chính; 30.000 đồng/trường hợp nộp hồ sơ trên môi trường mạng; - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; - Phí cấp bản sao trích lục hộ tịch trong trường hợp người dân yêu cầu: 8.000 đồng/bản.	Như trên
23	Đăng ký giám sát việc giám hộ	3.000323	Trong 03 ngày làm việc, trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn giải quyết được kéo dài nhưng không quá 05 ngày	Như trên	- Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	Như trên

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.		- Mức thu phí đối với các đối tượng khác: theo hướng dẫn của Bộ Tài chính sẽ quy định sau trong Nghị quyết của HĐND tỉnh. - Phí cấp bản sao trích lục hộ tịch trong trường hợp người dân yêu cầu: 8.000 đồng/bản.	
24	Đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ	3.000322	Trong 03 ngày làm việc, trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn giải quyết được kéo dài nhưng không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.	Như trên	- Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Mức thu phí đối với các đối tượng khác: theo hướng dẫn của Bộ Tài chính sẽ quy định sau trong Nghị quyết của HĐND tỉnh. - Phí cấp bản sao trích lục hộ tịch trong trường hợp	Như trên

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					người dân yêu cầu: 8.000 đồng/bản.	
25	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	1.004859	- Ngay trong ngày làm việc đối với yêu cầu bổ sung thông tin hộ tịch. Trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. - 03 ngày làm việc đối với việc thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc. Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn được kéo dài thêm không quá 03 ngày làm việc.	Như trên	- Đối với công dân Việt Nam trên 14 tuổi cư trú ở trong nước: 20.000 đồng/trường hợp nếu nộp hồ sơ trực tiếp/quá bưu chính; 10.000 đồng/trường hợp nếu nộp hồ sơ trên môi trường mạng; - Đối với công dân Việt Nam dưới 14 tuổi cư trú trong nước: 10.000 đồng/trường hợp nếu nộp hồ sơ trực tiếp/quá bưu chính; 0 đồng/trường hợp nếu nộp hồ sơ trên môi trường mạng; - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người	Như trên

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					khuyết tật. - Phí cấp bản sao trích lục hộ tịch trong trường hợp người dân yêu cầu: 8.000 đồng/bản.	
26	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc có yếu tố nước ngoài	2.000748	- Ngay trong ngày làm việc đối với yêu cầu bổ sung thông tin hộ tịch. Trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. - 03 ngày làm việc, đối với yêu cầu thay đổi, cải chính hộ tịch. Trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 06 ngày làm việc.	Như trên	- Lệ phí: 50.000 đồng/trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp/quia bưu chính; 25.000 đồng/trường hợp nộp hồ sơ trên môi trường mạng; - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Phí cấp bản sao trích lục hộ tịch trong trường hợp người dân yêu cầu: 8.000 đồng/bản.	Như trên
27	Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt	2.002189	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ giấy tờ hợp lệ;	Như trên	- Lệ phí: 60.000 đồng/lần nộp hồ sơ trực tiếp/quia bưu	- Luật Hộ tịch năm 2014. - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài		trường hợp phải xác minh thì thời hạn kéo dài nhưng không quá 08 ngày làm việc		chính; 30.000 đồng/lần nếu nộp hồ sơ trên môi trường mạng; - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Phí cấp bản sao trích lục hộ tịch trong trường hợp người dân yêu cầu: 8.000 đồng/bản.	quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch. - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến. - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công. - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực. - Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp.

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
						- Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch. - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến. - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
						số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến. - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
						tịch. - Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
						số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Quyết định số 3673/QĐ-BTP ngày 25/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch được thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch trong nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.
28	Ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	2.000554	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 08 ngày làm việc.	Như trên	- Lệ phí: 60.000 đồng/lần nếu nộp hồ sơ trực tiếp/quia bưu chính; 30.000 đồng/lần nếu nộp hồ sơ trên môi trường mạng; - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người	Như trên

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					khuyết tật. - Phí cấp bản sao trích lục hộ tịch trong trường hợp người dân yêu cầu: 8.000 đồng/bản.	
29	Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	2.000547	- Trong ngày tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp phải xác minh, thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc.	Như trên	- Lệ phí: 60.000 đồng/lần nếu nộp hồ sơ trực tiếp/quia bưu chính; 30.000 đồng/lần nếu nộp hồ sơ trên môi trường mạng; - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; - Phí cấp bản sao trích lục hộ tịch trong trường hợp người dân yêu cầu: 8.000 đồng/bản.	Như trên
30	Đăng ký khai sinh lưu động	1.003583	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trực tiếp tại nhà riêng hoặc tại địa điểm tổ chức đăng ký khai sinh lưu	- Lệ phí: 10.000 đồng/trường hợp đăng ký khai sinh quá hạn;	Như trên

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				động	- Miễn lệ phí đối với trường hợp khai sinh đúng hạn; người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; - Phí cấp bản sao giấy khai sinh trong trường hợp người dân yêu cầu: 8.000 đồng/bản.	
31	Đăng ký kết hôn lưu động	1.000593	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Như trên	- Miễn lệ phí; - Phí cấp bản sao trích lục hộ tịch trong trường hợp người dân yêu cầu: 8.000 đồng/bản.	Như trên
32	Đăng ký khai tử lưu động	1.000419	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	- Lệ phí: 10.000 đồng/trường hợp đăng ký khai tử quá hạn; - Miễn lệ phí đối với trường hợp khai tử đúng hạn; người thuộc gia đình có công với cách mạng;	Như trên

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; - Phí cấp bản sao trích lục hộ tịch trong trường hợp người dân yêu cầu: 8.000 đồng/bản.	
33	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	1.000110	Ngay trong ngày tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	Như trên	- Lệ phí áp dụng đối với trường hợp đăng ký khai sinh quá hạn: 10.000 đồng/trường hợp nếu nộp hồ sơ trực tiếp/quá bưu chính; 0 đồng/trường hợp nếu nộp hồ sơ trên môi trường mạng; - Miễn lệ phí đối với trường hợp khai sinh đúng hạn; người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; - Phí cấp bản sao giấy khai sinh trong trường hợp người	Như trên

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					dân yêu cầu: 8.000 đồng/bản.	
34	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	1.000094	03 ngày làm việc, sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 08 ngày làm việc.	Như trên	- Miễn lệ phí; - Phí cấp bản sao trích lục hộ tịch trong trường hợp người dân yêu cầu: 8.000 đồng/bản.	Như trên
35	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	1.000080	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 12 ngày làm việc.	Như trên	- Lệ phí: 20.000 đồng/trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp; 0 đồng/trường hợp nộp hồ sơ trên môi trường mạng; - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; - Phí cấp bản sao trích lục hộ tịch trong trường hợp người dân yêu cầu: 8.000 đồng/bản.	Như trên
36	Đăng ký khai tử có yếu tố nước	1.004827	Ngay trong ngày tiếp nhận đủ hồ sơ	Như trên	- Lệ phí đăng ký khai tử quá hạn:	Như trên

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	ngoài tại khu vực biên giới		hợp lệ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cần phải xác minh thì không quá 03 ngày làm việc.		10.000 đồng/trường hợp nếu nộp hồ sơ trực tiếp/quá bưu chính; 0 đồng/trường hợp nếu nộp hồ sơ trên môi trường mạng; - Miễn lệ phí đối với trường hợp khai tử đúng hạn; người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; - Phí cấp bản sao trích lục hộ tịch trong trường hợp người dân yêu cầu: 8.000 đồng/bản.	
37	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	1.004873	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 23 ngày.	Như trên	- Lệ phí: 10.000 đồng/trường hợp nếu nộp hồ sơ trực tiếp/quá bưu chính; 0 đồng/trường hợp nếu nộp hồ sơ trên môi trường mạng; - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình	Như trên

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	
38	Cấp bản sao trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh	2.000635	Trong ngày tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	Như trên	- Phí: 8.000 đồng/bản sao/sự kiện hộ tịch đã đăng ký. - Lệ phí: Không.	Như trên
39	Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch	2.002516	03 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp phải kiểm tra, xác minh thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 10 ngày làm việc.	Như trên	- Phí: 8.000 đồng/Văn bản xác nhận về một việc hộ tịch của cá nhân đã đăng ký. - Lệ phí: Không.	Như trên
II	LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI (03 TTHC)					
1	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	2.001263	- Thời gian xác minh, đánh giá hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế của	Như trên	- Lệ phí: 400.000 đồng/trường hợp. - Miễn lệ phí đăng ký nuôi con nuôi trong nước đối với	- Luật Nuôi con nuôi 2010. - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nuôi con nuôi.

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			người nhận con nuôi: Trường hợp người nhận con nuôi có nơi thường trú và nơi ở hiện tại khác nhau, trong 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của người nhận con nuôi, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người nhận con nuôi thường trú trực tiếp xác minh trong 05 ngày làm việc hoặc có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã nơi ở hiện tại của người nhận con nuôi thực hiện xác minh, đánh giá hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế của người nhận con nuôi. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày		trường hợp cha đẻ hoặc mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng làm con nuôi; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi; nhận trẻ em khuyết tật, nhiễm HIV/AIDS hoặc mắc bệnh hiểm nghèo theo quy định của Luật Nuôi con nuôi và văn bản hướng dẫn; người có công với cách mạng nhận con nuôi.	- Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05/3/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi. - Nghị định số 06/2025/NĐ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về nuôi con nuôi. - Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp. - <i>Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu;</i> - Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8/7/2016 của Chính phủ quy định lệ phí đăng ký

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			nhận được văn bản đề nghị, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi ở hiện tại của người nhận con nuôi thực hiện xác minh, đánh giá theo nội dung Văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế của người nhận con nuôi và có văn bản thông báo kết quả đánh giá cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người nhận con nuôi thường trú. - Thời gian kiểm tra hồ sơ và lấy ý kiến: 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; - Thời gian những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con			nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài. - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công. - Thông tư số 10/2025/TT-BTP ngày 20/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ Sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 07/2023/TT-BTP. - Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ,

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			nuôi: 15 ngày kể từ ngày được lấy ý kiến; - Thời gian tổ chức đăng ký việc nuôi con nuôi và tổ chức giao nhận con nuôi, ghi vào sổ đăng ký việc nuôi con nuôi và trao Giấy chứng nhận nuôi con nuôi trong nước cho bên giao và bên nhận: 05 ngày, kể từ ngày hết hạn thay đổi ý kiến đồng ý.			mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi. - Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác nuôi con nuôi và cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam. - Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29/9/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi. - Quyết định số 3671/QĐ-BTP ngày 25/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực nuôi con nuôi

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
						<i>thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</i>
2	Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi	2.002349	10 ngày	Như trên	Không	Như trên
3	Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	2.002363	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ (nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo); Trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc.	Như trên	- Lệ phí: 60.000 đồng/ lần nộp hồ sơ trực tiếp/quia bưu chính; 30.000 đồng/lần nộp hồ sơ trên môi trường mạng. - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Phí cấp bản sao	Như trên

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					Trích lục Ghi vào Sổ việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (nếu có yêu cầu): 8.000 đồng/bản.	
III	LĨNH VỰC HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ (01 TTHC)					
1	Thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải	2.000424	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã; - Qua Dịch vụ bưu chính công ích; - Cổng Dịch vụ công Quốc gia: http://dichvucong.gov.vn	Không	- Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013; - Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở; - Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 09/2025/TT-BTP ngày 16/6/2025 của Bộ trưởng

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
						Bộ Tư pháp hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trong lĩnh vực tư pháp; - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu; - Quyết định số 3753/QĐ-BTP ngày 30/12/2025 của Bộ trưởng Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hòa giải ở cơ sở thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.